| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:**389**/2026/DS-ST
Ngày: 31/7/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tuấn*
*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thành*
*Bà Nguyễn Thị Cúc*
***- Thư ký phiên tòa:*** *Ông Nguyễn Tiến Đạt*
*-* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 tham gia phiên tòa:*** *Bà Nguyễn Hoàng Hằng- Kiểm sát viên.*

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 5, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 133/2026/TLST-DS, ngày 11/3/2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:223/2026/QĐXXST-DS ngày 25/6/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 208/2026/QĐHPT-DS ngày 13/7/2026 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Bà Phùng Thị V, sinh năm 1948;**

Địa chỉ: Số 245 đường H, phường T, thành phố Hà Nội;

Căn cước công dân số:00114800xxx, Cấp ngày 30/5/2022

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Văn phòng Luật sư T

Địa chỉ: Tầng 18, tòa N105, đường N, phường C, thành phố Hà Nội

Ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị Huyền T – Sinh năm 1985

Căn cước công dân số:001185044xxx, Cấp ngày 10/10/2025.

Địa chỉ: Tầng 18, tòa N105, đường N, phường C, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Huyền T và Luật sư Đào Văn D

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Luật sư T - Tầng 18, tòa N105, đường N, phường C, thành phố Hà Nội

**Bị đơn: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1976;**

Địa chỉ: HS11-38, KĐT V, phường P, thành phố Hà Nội

Căn cước công dân số:001176014xxx; CMND:0121032xx

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1973

Nơi thường trú: Số 4 nhà H, Tập thể V, phường Y, thành phố Hà Nội

Nơi cư trú: Số nhà 245 đường H, phường T, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số:001073014xxx; Cấp ngày 02/6/2022

- Ông Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1975

Nơi thường trú: Tổ 12, phường Y, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Ô số D2 khu D, khu đấu giá quyền sử dụng đất 3ha, tổ dân phố 1, phường P, thành phố Hà Nội

Căn cước công dân số:001075006xxx; Cấp ngày 25/7/2022

**4. Người làm chứng:**

Bà Đặng Thị Ngọc T, Sinh năm 1977

Nơi thường trú: Tổ 12, phường Y, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Ô số D2 khu D, khu đấu giá quyền sử dụng đất 3ha, tổ dân phố 1, phường P, thành phố Hà Nội

Căn cước công dân số:001177005xxx; Cấp ngày 04/6/2025

*(Bà T, bà T, ông T, ông Tuấn A, Luật sư D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn là bà Phùng Thị V do bà Nguyễn Thị Huyền T là người đại diện theo ủy quyền trình bầy:***

*Về quan hệ huyết thống gia đình của ông H:*

Bà Phùng Thị V có chồng là ông Nguyễn Sỹ H (hiện đã chết), bà có 02 con trai là Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Tuấn T.

Ngoài ra bà V và ông H không có con nuôi, con riêng nào khác.

*Về việc vay nợ:*

Trong khoảng thời gian từ năm 2003 đến năm 2005, bà Phùng Thị V và chồng là ông Nguyễn Sĩ H có cho bà Phạm Thị Thu H vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 8,100,000,000đ (tám tỉ một trăm triệu đồng) trong đó bà H trực tiếp nhận tiền từ bà Phùng Thị V chốt đến ngày 08/03/2005 là 7,500,000,000đ (bảy tỉ năm trăm triệu đồng) và bà H nhận từ ông Nguyễn Sĩ H ngày 04/05/2005 là 600,000,000đ (sáu trăm triệu đồng).Tuy nhiên, suốt từ thời điểm đó đến năm 2019 bà H cũng chưa trả lại tiền cho bà Phùng Thị V và ông Nguyễn Sĩ H. Đến năm 2019, trước sự chứng kiến của các Luật sư Dương Thị H, ông Dương Minh H, ông Nguyễn Văn N, bà Phùng Thị V và bà Phạm Thị Thu H có ký kết biên bản làm việc ngày 30/05/2019 về việc xác nhận bà H nợ vợ chồng bà Phùng Thị V và ông Nguyễn Sĩ H là 8,100,000,000đ và bà H cam kết sẽ trả trước cho vợ chồng bà Phùng Thị V 3,000,000,000đ (ba tỉ đồng) trong thời hạn 01 năm. Khoản nợ còn lại là 5,100,000,000đ (năm tỉ một trăm triệu đồng) bà Phùng Thị V và ông Nguyễn Sĩ H tạo điều kiện cho bà Phạm Thị Thu H trả nợ theo khả năng. Như vậy, có đầy đủ chứng cứ chứng minh việc bà Phạm Thị Thu H đã vay bà Phùng Thị V và ông Nguyễn Sĩ H tổng số tiền 8,100,000,000đ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà Phạm Thị Thu H phải trả số tiền 8,100,000,000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ số tiền trên, căn cứ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, theo quy định này, khi bà Phạm Thị Thu H chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Phùng Thị V theo cam kết tại biên bản làm việc ngày 30/05/2019 thì bà Phạm Thị Thu H phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Bà Phạm Thị Thu H cam kết đến ngày 30/05/2020 sẽ trả tiền cho bà Phùng Thị V nhưng đến hết thời hạn trên bà Phạm Thị Thu H vẫn chưa trả tiền cho bà Phùng Thị V. Do đó, ngày 30/05/2020 là ngày bắt đầu bà Phạm Thị Thu H phải chịu trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Căn cứ vào cách tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì bà V yêu cầu bà H phải trả lãi trên số nợ gốc là 10%/năm, thời hạn trả lãi tính từ thời điểm ngày cuối cùng phải trả nợ theo Biên bản ngày 30/05/2019 là ngày 30/05/2020, do đó tổng số thời gian chậm trả tính đến hết ngày 30/07/2026 là 6 năm 2 tháng (74 tháng). Như vậy, tổng số tiền lãi bà Phạm Thị Thu H phải trả cho bà Phùng Thị V là: 8,100,000,000đ x 10%/12 tháng x 74 tháng = 4.995.000.000đ(Bốn tỉ chín trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Từ các căn cứ nêu trên bà Phùng Thị V đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị Thu H phải trả bà Phùng Thị V tổng số tiền tính đến hết ngày 30/7/2026 là:

13.095.000.000đ (mười ba tỉ chín mươi lăm triệu đồng chẵn) trong đó số tiền gốc phải trả là: 8,100,000,000 đồng và tiền lãi phải trả là 4.995.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án đến nay bà V không biết bà H hiện đang cư trú ở địa chỉ cụ thể nào, nên khi khởi kiện bà V chỉ biết nơi cư trú cuối cùng của bà H là tại Địa chỉ: HS11-38, KĐT V, phường P, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án bà V đã có đơn đề nghị Tòa án cho tiến hành đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm kiếm bà H nhằm giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bà V không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

***Bị đơn trong vụ án bà Phạm Thị Thu H vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án. Mặc dù rất nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để công khai chứng cứ, hòa giải về việc bà Phùng Thị V đòi nợ nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do, vẫn không có bất kỳ lời khai nào trong suốt quá trình giải quyết vụ án.***

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía Nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A và anh Nguyễn Tuấn T thống nhất trình bầy:***

Ông Tuấn A và ông T xác nhận về quan hệ huyết thống gia đình của ông H : Bà Phùng Thị V có chồng là ông Nguyễn Sỹ H (hiện đã chết năm 2023), bố mẹ của chúng tôi sinh được 02 con trai là Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Tuấn T. Ngoài ra bà V và ông H không có con nuôi, con riêng nào khác.

Nay anh em tôi được biết mẹ đẻ của chúng tôi là bà Phùng Thị V (sinh năm 1948, địa chỉ thường trú: Số 4 Nhà H, TT V, tổ 23 Phường Y, Thành phố Hà Nội, nơi cư trú: Số nhà 245 đường H, phường T, thành phố Hà Nội) hiện đang nộp đơn khởi kiện bà Phạm Thị Thu H (sinh năm 1976, nơi cư trú: HS11-38 KĐT V, Phường P, Thành phố Hà Nội) tại Tòa án Nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội để yêu cầu bà Phạm Thị Thu H phải hoàn trả khoản tiền bà H vay của bố mẹ tôi. Toàn bộ số tiền bố mẹ tôi cho bà Phạm Thị Thu H vay là tiền của bố mẹ tôi, anh em tôi không cho bà H vay bất kỳ khoản tiền nào. Nay, mẹ tôi khởi kiện đòi nợ đối với bà H, anh em chúng tôi hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà V và không có ý kiến gì, cũng như không có yêu cầu gì liên quan đến khoản nợ mà bố mẹ chúng tôi cho bà H vay. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chúng tôi đề nghị xin được vắng mặt tại Tòa án trong tất cả quá trình tố tụng và tại các phiên tòa.

Tại phiên tòa các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tất cả các đương sự trong vụ án không có đề nghị gì về việc đưa thêm người vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập khi tòa án giải quyết vụ án

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn Luật sư Đào Văn D trình bầy luận cứ như sau:***

Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị V. Buộc bà Phạm Thị Thu H phải trả bà Phùng Thị V tổng số tiền tính đến hết ngày 30/7/2026 là: 13.095.000.000đ (mười ba tỉ chín mươi lăm triệu đồng chẵn) trong đó số tiền gốc phải trả là: 8,100,000,000 đồng và tiền lãi phải trả là 4.995.000.000 đồng.

Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Buộc bên phải thi hành án chịu tiền lãi chậm thi hành án theo Điều 468 BLDS 2015 kể từ ngày bản án có hiệu lực.

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Hà Nội phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:***

- Toà án nhân dân Khu vực 5-Hà Nội đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn, đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật.

- Bị đơn không thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

****Về nội dung vụ án:***

- Hợp đồng vay tài sản dưới hình thức Giấy biên nhận; Giấy vay tiền năm 2005 được các bên ký kết đúng quy định pháp luật; số tiền cho vay phù hợp với số liệu chốt công nợ có người làm chứng tại Biên bản làm việc ngày 30/5/2019 nên xác định việc ký kết của các bên là trên tinh thần tự nguyện, đúng quy định. hợp đồng có hiệu lực và được dùng làm căn cứ để xem xét giải quyết. Theo đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ gốc 8.100.000.000 đồng có căn cứ để chấp nhận.

- Đối với số tiền lãi, hợp đồng giữa các bên không thỏa thuận về lãi suất; việc nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự. Tuy

nhiên; theo biên bản làm việc ngày 30/5/2019, các bên chỉ xác định thời hạn trả nợ đối với khoản tiền 3.000.000.000 (là đến ngày 30/5/2020); số tiền còn lại 5.100.000.000 không xác định thời hạn trả mà đồng ý cho bà H trả dần theo khả năng. Như vậy, số tiền 5.100.000.000 đồng là khoản tiền vay không xác định thời hạn, không xác định lãi suất. Do đó, chỉ có căn cứ tính lãi đối với số tiền 3.000.000.000 đồng.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 26 BLTTDS năm 2015; Điều 466, 468, 357 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326 về lệ phí, án phí tòa án,

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị V, buộc bà Phạm Thị Thu H hoàn trả cho bà V số tiền nợ gốc là 8.100.000.000 đồng và khoản tiền lãi do chậm thanh toán tính trên số tiền 3.000.000.000 với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 30/5/2020.

- Bác các yêu cầu khác của đương sự

- Bà H có nghĩa vụ nộp án phí, bà V được miễn án phí đối với người cao tuổi theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về chủ thể thực hiện việc khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:**

1.1. Ông Nguyễn Sỹ H (đã chết năm 2023) và vợ là bà Phùng Thị V có cho bà Phạm Thị Thu H vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là: 8,100,000,000 đồng (tám tỉ một trăm triệu đồng) trong đó bà H trực tiếp nhận tiền từ bà Phùng Thị V ngày 08/03/2005 là 7,500,000,000đ (bảy tỉ năm trăm triệu đồng) và bà H nhận tiền từ ông Nguyễn Sĩ H ngày 04/05/2005 là 600,000,000đ (sáu trăm triệu đồng). Do bà H không trả nợ nên bà V là đại diện cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H có quyền thực hiện yêu cầu khởi kiện để đòi khoản nợ đối với bà Phạm Thị Thu H. Việc giao dịch vay tài sản giữa ông Nguyễn Sỹ H (đã chết năm 2023) và vợ là bà Phùng Thị V với bà Phạm Thị Thu H là quan hệ pháp luật Dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" bởi lẽ:

1.2. Quá trình giao dịch giữa hai bên đều có đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và được xác lập bằng hợp đồng là Giấy biên nhận vay tiền ngày 08/03/2005 và Giấy vay tiền ngày 04/5/2005. Do vậy có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định tranh chấp giữa bà Phùng Thị V với bà Phạm Thị Thu H là phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phùng Thị V khởi kiện bà Phạm Thị Thu H có địa chỉ tại: HS11-38, KĐT V, phường P, thành phố Hà Nội đề nghị Tòa án giải quyết "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là phù hợp với quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 5, thành phố Hà Nội.

**[2]. Về thủ tục tố tụng khác:**

2.1. Bị đơn trong vụ án là bà Phạm Thị Thu H, khi giải quyết vụ án bà V cung cấp thông tin không biết cụ thể địa chỉ nơi cư trú của bà H hiện đang ở đâu, chỉ biết nơi cư trú cuối cùng của bà H có địa chỉ tại: HS11-38, KĐT V, phường P, thành phố Hà Nội. Khi giải quyết vụ án Tòa án tiến hành cho đăng tin tìm kiếm tung tích của bà Phạm Thị Thu H trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng đến nay vẫn không nhận được bất kỳ tin tức gì về bà Phạm Thị Thu H. Nay bà H vắng mặt không rõ nơi cư trú của bà hiện đang ở đâu, tòa án không tống đạt được văn bản tố tụng nên xác định bà Phạm Thị Thu H cố tình giấu địa chỉ. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP để giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ.

2.2. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà các đương sự không có đề nghị gì về việc đưa thêm người vào tham gia tố tụng khi toà án giải quyết vụ án nên toà không xét. Mặt khác cho đến trước khi Tòa án công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử Bị đơn không có yêu cầu phản tố, và đến trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án tất cả các đương sự đều không đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện nên không có căn cứ để Tòa án xem xét giải quyết.

**[3].Về nội dung vụ án:**

Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, lãi của bà Phùng Thị V với bà Phạm Thị Thu H theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 08/03/2005 và Giấy vay tiền ngày 04/5/2005 Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện bà Phạm Thị Thu H có lập "Giấy biên nhận vay tiền" của bà Phùng Thị V ngày 08/03/2005 là 7,500,000,000 đồng (bảy tỉ năm trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ đối với khoản vay này hai bên thỏa thuận là sau 06 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay theo "Giấy vay tiền" ngày 04/5/2005 của Nguyễn Sỹ H (đã chết năm 2023) là 600,000,000 đồng (sáu trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ đối với khoản vay này hai bên thỏa thuận là sau 02 ngày kể từ ngày vay. Như vậy tổng số tiền bà Phạm Thị Thu H được thể hiện qua hai lần vay của bà Phùng Thị V và ông Nguyễn Sỹ H là: 8,100,000,000 đồng (tám tỉ một trăm triệu đồng), hai bên không thỏa thuận về lãi suất khi vay. Quá trình giải quyết vụ án đến nay bà V xác nhận bà Phạm Thị Thu H chưa trả được số tiền gốc là 8,100,000,000 đồng (tám tỉ một trăm triệu đồng) cho bà. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định số tiền nợ gốc đến nay bà H còn nợ bà V và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H là: 8,100,000,000 đồng (tám tỉ một

trăm triệu đồng), bà V đòi nợ bà H nhiều lần nhưng bà H không trả nên bà V làm đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu bà H trả nợ gốc và lãi phát sinh tính từ ngày tính đến hết ngày 30/07/2026 là 6 năm 2 tháng (74 tháng) là: 8,100,000,000đ x 10%/12 tháng x 74 tháng = 4.995.000.000đ (Bốn tỉ chín trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 08/03/2005 và "Giấy vay tiền" ngày 04/5/2005 thể hiện bà Phạm Thị Thu H đã vay của ông H, bà V số tiền nợ gốc đến nay là: 8,100,000,000 đồng (tám tỉ một trăm triệu đồng) và ký xác nhận nợ với ông H, bà V tại thời điểm giao kết hợp đồng. Do đó việc vay nợ ở đây được xác định ông H, bà V là người cho vay tiền, bà H là người vay tiền, bà H không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc đến nay bà đã trả khoản tiền nợ gốc 8,100,000,000 đồng (tám tỉ một trăm triệu đồng) cho bà V. Do đến nay bà H không trả được số tiền nợ gốc đã vay nên bà V yêu cầu tính lãi từ thời điểm 30/5/2020 đến hết ngày 30/7/2026 với lãi suất 10%/năm và đến khi bà H trả hết nợ. Xét yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của bà V , Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà V chỉ yêu cầu đòi tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc với lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) là phù hợp với quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Xét thấy "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 08/03/2005 và "Giấy vay tiền" ngày 04/5/2005 được xác định là hợp đồng dân sự được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại các Điều 116, 117, 119, 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay đã vi phạm về việc không trả nợ tiền vay nên bà V yêu cầu bà Phạm Thị Thu H phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 30/5/2020 đến hết ngày 30/7/2026 là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những phân tích và lập luận trên Hội đồng xét xử buộc bà Phạm Thị Thu H phải trả bà Phùng Thị V tổng số tiền tính đến hết ngày 30/7/2026 là: 13.095.000.000đ (mười ba tỉ chín mươi lăm triệu đồng chẵn) trong đó số tiền gốc phải trả là: 8,100,000,000 đồng và tiền lãi phải trả là 4.995.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015,trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**[4].Về án phí và quyền kháng cáo:**

Bà Phạm Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:121.095.000 đồng

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 280 , 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo.

**Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị V đối với bà Phạm Thị Thu H.

2. Buộc bà Phạm Thị Thu H phải trả cho bà Phùng Thị V tổng số tiền tính đến hết ngày 30/7/2026 là: 13.095.000.000đ (mười ba tỉ chín mươi lăm triệu đồng chẵn) trong đó số tiền nợ gốc là: 8,100,000,000 đồng và số tiền lãi là 4.995.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Do bà Phạm Thị Thu H không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án, bà V không đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện nên không có căn cứ để Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:121.095.000 đồng

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Viết Tuấn**

***Nơi nhận:***
*- Đương sự;*
*- TANDTP.Hà Nội;*
*- VKSND Khu vực 5-Hà Nội;*
*- Phòng THADS Khu vực 5 Hà Nội;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án;*
*- Lưu VP/TA.*